

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày 23 tháng 4 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Thanh Miên

2- Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 301/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023. Về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXX -DS ngày 13/03/2024; Quyết định hoãn phiên tòa 30/2024/QĐST-HPT ngày 25/03/2024;

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch- Sinh năm 1957 (Có mặt)

Cư trú: Số nhà 88, đường Lý Thường Kiệt, TDP Trung Đ, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ng- Sinh năm 1967 (Có mặt)

Cư trú: thôn Kh, xã Lương Ph, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị T- Sinh năm 1963 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: thôn Kh, xã Lương Ph, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/10/2023; Bản tự khai; Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Gia đình bà buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc, bà và vợ chồng anh Nam có mối quan hệ quen biết, từ năm 2017 đến năm 2018, ông Ng, bà T có đến cửa hàng gia đình bà để mua thức ăn chăn nuôi, mua nhiều lần, có lần thanh toán trả ngay, có lần thì chịu. Các lần mà ông Ng chịu lại tiền thức ăn chăn nuôi thì bà đều ghi sổ sách theo dõi. Ông Ng có ký nhận. Đến ngày 20/01/2023 bà và ông Ng chốt nợ với nhau thì vợ chồng ông Ng, chị Tuyến còn nợ lại bà số tiền 137.590.000 đồng, bà đã đến gia đình ông Ng, bà T đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng ông Ng không trả, sau khi bà làm đơn đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thì vợ chồng ông Ng

trả cho bà được 10.000.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông Ng còn nợ bà số tiền 127.590.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Ng và bà Tthanh toán trả bà số tiền còn nợ 127.590.000 đồng.

Về tiền lãi: Bà không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng tại biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2023; Biên bản hòa giải ngày 04/3/2024 và tại phiên tòa trình bày:

Vợ chồng ông và gia đình bà Nguyễn Thị Ch có mối quan hệ quen biết. Gia đình bà Chbun bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc.

Ông thừa nhận có mua cám thức ăn chăn nuôi gia súc của gia đình bà Nguyễn Thị Ch là đúng, tính đến ngày 20/01/2023 vợ chồng ông và bà Chcó chốt nợ với nhau thì ông còn nợ bà Ch137.590.000 đồng, do chăn nuôi thua lỗ nên gia đình ông chưa thanh toán được, bà Chcó đến gia đình ông đòi nhiều lần.

Tháng 12/2023 thì ông có trả thêm cho bà Chđược 10.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 127.590.000 đồng.

Nay bà Chyêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền 127.590.000 đồng, thì vợ chồng ông đồng ý, nhưng do chăn nuôi thua lỗ, lợn bị dịch chết, kinh tế hiện tại gia đình khó khăn, ông xin được trả dần,

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T tại biên bản ghi lời khai ngày 19/12/2023 trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Ng, bà thừa nhận vợ chồng bà có mua thức ăn chăn nuôi của gia đình bà Nguyễn Thị Ch là đúng và tính đến ngày 20/01/2023 thì vợ chồng bà với bà Chcó chốt nợ với nhau, vợ chồng bà còn nợ bà Chsố tiền 137.590.000 đồng. Tháng 12/2023 thì vợ chồng bà có trả được cho bà Ch10.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 127.590.000 đồng. Nay bà Chyêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền trên thì vợ chồng bà đồng ý nhưng chị xin được trả dần.

Do điều kiện công việc bà đi làm, bà có đơn đề nghị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng Điều 12, Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị HĐXX xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch.

Buộc ông Nguyễn Văn Ng và bà Đặng Thị T có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị Ch số tiền gốc 127.590.000 đồng.

- Về án phí: Ông Ng phải chịu 3.189.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Đặng Thị T thuộc đối tượng người cao tuổi miễn án phí cho bà Tuyền
Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]- Về tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có đơn xin vắng mặt khi xét xử là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau, nên Tòa án lập biên bản hòa giải không thành là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt đương sự đối với bà Đặng Thị T có đơn xin vắng mặt là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng và bà Đặng Thị T phải trả số tiền còn nợ mua cám chăn nuôi số tiền còn nợ là 127.590.000 đồng. Các bên khi mua bán hàng hóa, tuy không làm hợp đồng mua bán, nhưng có thỏa thuận với nhau về việc mua bán và đã chốt nợ với nhau đối với số tiền còn nợ. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, nên xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn: Tính từ thời điểm các bên chốt nợ với nhau, ngày 20/01/2023, do vậy thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo theo quy định của Bộ luật dân sự, Các đương sự không ai có ý kiến xem xét về thời hiệu.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng và bà Đặng Thị T phải trả số tiền mua cám còn nợ là 127.590.000 đồng.

HĐXX thấy rằng: Qua các lời khai của đương sự nguyên đơn; bị đơn; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có đủ cơ sở để xác định.

Giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch và vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng; bà Đặng Thị T có quan hệ mua bán hàng hóa là thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với nhau, giữa các bên có chót nợ với nhau tiền mua cám, số tiền mua cám còn nợ tính đến ngày 20/01/2023 là 137.590.000 đồng là có thật. Đến tháng 12/2023 thì vợ chồng ông Ng đã trả được 10.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 127.590.000 đồng.

Bị đơn ông Ng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thừa nhận có chót nợ và còn nợ số tiền 127.590.000 đồng là đúng, việc mua cám là để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình, nguyên đơn bà Chkhởi kiện, vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng và bà Đặng Thị T đồng ý trả, nhưng xin trả dần.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Chyêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Ng và bà Đặng Thị T phải liên đới trả số tiền mua cám còn nợ 127.590.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Về tiền lãi; Do các bên đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5]- Về án phí: Điều 12, Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị T thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí.

Nguyên đơn bà Chkhông phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch.

Buộc ông Nguyễn Văn Ng và bà Đặng Thị T có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị Ch số tiền nợ gốc 127.590.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc ông Đặng Văn Ng phải chịu 3.189.000 đồng (Ba triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đặng Thị T.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuận

